

Mỹ Tiến, ngày 20 tháng 06 năm 2024

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Trình kỳ họp thứ 15 HĐND xã khóa XXII nhiệm kỳ 2021-2026)

PHẦN THỨ NHẤT

Quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Mỹ Tiến năm 2023

(Ban hành theo tờ trình số 321/TTr-UBND ngày 20 tháng 06 năm 2024)

Thực hiện Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2022 đã được HĐND xã phê duyệt về việc phân bổ dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2023. UBND xã xin báo cáo quyết toán ngân sách xã năm 2023 cụ thể như sau :

A. SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

I. Tổng quát chung

1. Tổng thu NSNN xã hưởng là 12.137 triệu đồng, đạt 225,3 % so với dự toán huyện, xã giao, trong đó:

- Số thu xã hưởng tỷ lệ 100% (loại trừ khoản thu kết dư năm trước) là 379 triệu đồng, đạt 119,2% so với dự toán huyện giao và dự toán xã giao;

- Số thu xã hưởng theo tỷ lệ điều tiết là 4.005 triệu đồng, đạt 268,3 % so với dự toán huyện, xã giao;

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là 4.801 triệu đồng. Trong đó bổ sung cân đối là 3.577 triệu đồng và bổ sung có mục tiêu là 1.224 triệu đồng;

- Thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 : Tổng số tiền 2.952 triệu đồng (bao gồm: Nguồn từ thu tiền sử dụng đất chi đầu tư 2.773 triệu đồng; nhân dân đóng góp xây dựng đường Thịnh Thắng :12 triệu đồng; nguồn tăng thu chi cải cách tiền lương các năm trước chưa sử dụng 167 triệu đồng)

- Về thu NSX năm 2023

+ Có 07 chỉ tiêu thu đã đạt và vượt so với dự toán huyện, xã giao: Thu từ quỹ đất công ích và HLCS = 304 triệu đồng đạt 112,6%; Thu khác = 55 triệu đồng đạt 219,2%; Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp = 55 triệu đồng đạt 260,4 %, Thu thuế thu nhập cá nhân = 209 triệu đồng đạt 112,8% ; Thu lệ phí trước bạ = 109 triệu đồng đạt 195,2%; Thu thuế GTGT = 75 triệu đồng đạt 251,2%; Thu tiền cấp QSDĐ đạt = 3 556 triệu đồng đạt 296,4%.

+ Có 01 chỉ tiêu chưa đạt so với dự toán huyện, xã giao là thu phí, lệ phí = 18 triệu đồng đạt 79%.

(Có biểu mẫu số 33; 35 chi tiết cụ thể đính kèm theo)

2. Tổng chi NSX thực hiện là 12.137 triệu đồng, đạt 225,3% so với dự toán huyện xã, giao trong đó:

- Chi đầu tư phát triển = 5.012 triệu đồng đạt 418 % so với dự toán huyện, xã giao (Trong đó Vốn chương trình MTQG XD NTM mới = 1.000 triệu đồng; tiền hỗ trợ đất trồng lúa = 154 triệu đồng; tiền đầu giá đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất = 3.843 triệu đồng; tiền nhân dân đóng góp xây dựng rãnh dọc thoát nước đường Thịnh Thắng = 14 triệu đồng)

- Chi thường xuyên NSX = 4.424 triệu đồng đạt 108% dự toán huyện giao, xã giao :

+ Có 02/4 khoản chi chưa đảm bảo theo mức dự toán giao chi tối thiểu : sự nghiệp đào tạo đạt: 0%, sự nghiệp giáo dục đạt 17% dự toán huyện giao, xã giao (số tuyệt đối dự toán giao = 87,6 triệu đồng quyết toán = 11,470 triệu đồng số tiền còn lại = 75,86 triệu đồng đã dùng để hỗ trợ mua bàn ghế học sinh cho trường Trung học cơ sở xã Mỹ Tiến = 57 triệu; Hỗ trợ kinh phí để sửa chữa sơn tường một số hạng mục nhà học 2 tầng 8 phòng và chống thấm mái nhà bảo vệ trường mầm non khu A xã Mỹ Tiến = 18,86 triệu đồng nhưng không được hạch toán vào sự nghiệp giáo dục, do bút toán hạch toán tại KBNN)

+ Có 02/4 khoản chi đảm bảo và vượt mức dự toán giao chi tối thiểu: sự nghiệp môi trường = 81,350 triệu đồng đạt 112.8% ; Sự nghiệp đảm bảo công tác xã hội : 237,420 triệu đồng đạt 114,81 %.

+ Có 04 khoản chi đạt và vượt chỉ tiêu huyện, xã giao gồm : Chi văn hoá thông tin = 123,823 triệu đồng đạt 201%; Chi thể dục thể thao = 23,852 triệu đồng đạt 211% ; Chi quản lý đảng đoàn thể (**bao gồm cả lương phụ cấp và các hoạt động thường xuyên**) = 3.122,178 triệu đồng đạt 110 % (chi kinh phí quản lý nhà nước = 1.810,693 triệu đồng; chi kinh phí công tác Đảng = 536,689 triệu đồng ; chi kinh phí của Mặt trận tổ quốc = 216,423 triệu đồng ; chi kinh phí của hội cựu chiến binh = 96,812 triệu đồng; chi kinh phí hoạt động của hội nông dân: 144,901 triệu đồng ; chi hoạt động của hội phụ nữ = 138,156 triệu đồng; chi hoạt động của đoàn thanh niên = 125,464 triệu đồng ; chi hoạt động các hiệp hội khác (chữ thập đỏ ; người cao tuổi ; khuyến học...) = 53,040 triệu đồng; Chi khác = 155,086 triệu đồng đạt 1.372,44 %

+ Có 04 khoản chi chưa đạt dự toán huyện, xã giao gồm : Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội = 450,971 triệu đồng đạt 87% ; chi sự nghiệp y tế, dân số = 25,464 triệu đồng đạt 79,82%; chi sự nghiệp phát thanh, truyền thanh = 26,410 triệu đồng đạt 80,5%; chi sự nghiệp kinh tế = 167,474 triệu đồng đạt 79,82 %

- Chi chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024: Tổng kinh phí chi chuyển nguồn năm 2023: 2.701 triệu đồng trong đó: Nguồn cấp quyền sử dụng đất chi đầu tư 2.486 đồng, Tăng thu 2023 dành chi đầu tư : 88 triệu; tăng thu 2023 chi nguồn cải cách tiền lương + tiết kiệm chi thường xuyên : 127 triệu đồng)

(Có biểu mẫu số 33; 36;37; 42 chi tiết cụ thể đính kèm theo)

II. Tình hình thực hiện năm 2023:

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN.

a. Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản:

Năm 2023, đơn vị phải thu số tiền 654.916.188 đồng (trong đó: nợ cũ số tiền 219.988.253 đồng bao gồm cả các khoản thu khó đòi từ nhiều năm trước); trong năm 2023 đơn vị đã thực hiện thu 298 623 250 đồng, nộp KBNN số tiền 298 623 250 đồng, số còn phải thu 356.292.938 đồng.

b. Năm 2023 tổng tăng thu ngân sách 214.962.160 đồng. Sử dụng 30 % tăng thu : 88.271.718 đồng chuyển nguồn sang năm 2024 để chi đầu tư xây dựng cơ bản. 70% giành nguồn làm lương (trừ tiền tăng thu quỹ đất công ích) : 126.690.442 đồng chuyển nguồn sang năm 2024 để chi thực hiện chính sách cải cách tiền lương theo quy định

2. Tình hình công nợ

Đến thời điểm 31/12/2023, tình hình công nợ tại xã cụ thể như sau:

- Công nợ phải thu là 356 triệu đồng.
- Công nợ phải trả là 712 triệu đồng (nợ đầu tư XD CB).

3. Tăng giảm dự toán từ việc bổ sung thu, chi các khoản bổ sung có mục tiêu:

3.1. Công tác chi hỗ trợ và bảo vệ đất trồng lúa

- Năm 2023, UBND xã Mỹ Tiến được bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh số tiền là 308,825 triệu đồng, trong năm đơn vị đã chi 154,0 triệu đồng để trả kinh phí xây lắp công trình Cải tạo nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Lang Xá đoạn Cầu Một-Đông Hương; thôn La Chợ đoạn Nội Chạp-Biến Thế; số tiền còn lại 154,825 triệu đồng đơn vị đã nộp trả lại ngân sách nhà nước theo quy định.

3.2. Công tác chi hỗ trợ tiền điện hộ nghèo:

- Năm 2023 ngân sách tỉnh hỗ trợ: 28,858 triệu đồng. Trong năm đơn vị đã chi hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng 28,858 triệu đồng.

3.3. Vốn sự nghiệp chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM:

Năm 2023 được sử dụng 50 triệu đồng, trong năm đơn vị đã chi mua Ti vi, loa kéo, loa nén, âm ly... cho nhà văn hoá các thôn xóm trên địa bàn xã.

3.4. Các khoản hỗ trợ khác: Năm 2023 được bổ sung kinh phí để thực hiện chế độ chính sách cho người hoạt tại thôn (xóm), tổ dân phố dôi dư sau sắp xếp, sáp nhập: 2,324 triệu đồng, đã hoàn trả lại chi thường xuyên năm 2023 do đã chi hỗ trợ từ năm 2022 từ nguồn ngân sách xã; được bổ sung kinh phí thực hiện đề án mở rộng địa giới hành chính thành phố Nam Định và thành lập 3 phường là :17,650 triệu đồng đã chi tổ chức Hội nghị triển khai công tác lấy ý kiến cử tri liên quan đến đề án mở rộng địa giới hành chính TP Nam Định và thành lập 3 phường : 3,314 triệu đồng, HN của Đảng về việc tiếp tục quán triệt, triển khai các văn bản của TW của tỉnh, của huyện Mỹ Lộc và Nghị quyết chuyên đề của Đảng uỷ đến từng Đảng viên trong toàn Đảng bộ xã Mỹ Tiến, về việc sắp xếp sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 : 7,806 triệu đồng, Phô tô tài liệu PV đến công tác sắp xếp sáp nhập : 6,530 triệu đồng.

4. Tăng dự toán thu chi do thực hiện Nguồn cải cách tiền lương năm 2023

Sử dụng nguồn cải cách tiền lương bao gồm tăng thu chi cải cách tiền lương năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023 là: 167 triệu đồng; số tiết kiệm chi thường xuyên : 7 triệu đồng; dự phòng ngân sách : 108 triệu đồng tổng cộng là : đồng để chi bổ sung

kinh phí thực hiện tăng mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của chính phủ, điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của Chính phủ, số tiền: 282 triệu đồng.

5. Công tác quản lý ngân sách:

a. Các khoản thu chi ngân sách xã đã quản lý và thực hiện cơ bản đảm bảo theo chế độ quy định. Đảm bảo chi lương, phụ cấp cho cán bộ công chức, cán bộ không chuyên trách xã thôn, đảm bảo chi thường xuyên phục vụ các hoạt động của UBND xã.

b. Quản lý đầu tư XDCB:

5.1. Việc lập kế hoạch đầu tư công hàng năm và trung hạn

Trong năm 2023 khi phát sinh tăng nguồn thu dành do đầu tư công, UBND xã trình HĐND cùng cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 tại các Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/05/2023; Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 12/10/2023; Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 28/12/2023; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 19/03/2024. UBND xã đã căn cứ vào nghị quyết của HĐND xã ra quyết định giao vốn chi tiết và làm thủ tục thanh toán cho từng công trình; trong đó ưu tiên bố trí vốn còn thiếu của các công trình đã phê duyệt quyết toán, các công trình hoàn thành và các dự án khởi công mới trong năm.

Cuối năm 2023, UBND xã tổng hợp, xây dựng phương án trình HĐND cùng cấp chấp thuận điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023, kế hoạch đầu tư công năm 2024 ban hành Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 28/12/2023.

5.2. Quy trình thủ tục đầu tư XDCB các công trình đầu tư công của xã

Trong năm UBND xã đã thực hiện quy trình đầu tư xây dựng cơ bản 05 công trình và 01 công trình chuyển tiếp thủ tục đầu tư từ năm 2022 sang.

Trong năm UBND xã đã có văn bản trình phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm tra quyết toán vốn 03 công trình đồng thời tổ chức phê duyệt quyết toán vốn công trình đảm bảo quy định, không có công trình nào quá hạn.

Còn 03 công trình ở giai đoạn chuyển tiếp sang năm sau.

5.3. Nguồn vốn chi đầu tư phát triển trong năm:

Tổng nguồn được sử dụng chi đầu tư phát triển	7.497.166.125 đồng
- Vốn bổ sung chương trình MTQG công trình : (Xây dựng nhà bếp, nhà xe, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ trường MN khu B xã Mỹ Tiến)	1.000.000.000 đồng
- Vốn hỗ trợ đất trồng lúa	154.000.000 đồng
- Vốn NSX (điều tiết từ thu tiền SDD)	6.328.813.750 đồng
+ Chuyển nguồn từ năm 2022 sang:	2.772.438.250 đồng
+ Thu trong năm 2023:	3.556.375.500 đồng
-Vốn huy động đóng góp của người dân:	14.352.375 đồng

+ Chuyển nguồn từ năm 2022 sang :	12.352.375 đồng
+ Thu trong năm 2023:	2.000.000 đồng
- Số chi đầu tư XDCB trong năm	5.011.528.000 đồng
- Kinh phí còn lại chuyển nguồn để chi đầu tư phát triển (Tiền cấp đất năm 2023 chuyển sang năm 2024)	2.485.638.125 đồng

III. CÂN ĐỐI THU CHI NSX NĂM 2023:

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	12.136.699.653	Tổng số chi	12.136.699.653
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	378.843.814	I. Chi đầu tư phát triển	5.011.528.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	4.004.993.846	II. Chi thường xuyên	4.424.499.396
III. Thu bổ sung	4.800.974.400	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	2.700.672.257
- Bổ sung cân đối ngân sách	3.577.000.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	0
- Bổ sung có mục tiêu	1.223.974.400		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	0		
V. Thu viện trợ	0		
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	2.951.887.593		
Kết dư ngân sách	0		

B. CHI TIẾT VIỆC SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH NĂM 2023:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
I	Phần thu	108 200 000	
1	Nguồn dự phòng	108 200 000	
II	Phần chi	108 200 000	
1	Chi thực hiện chính sách cải cách tiền lương năm 2023	108 200 000	
III	Cân đối thu chi (I-II)	0	

C. CHI TIẾT VIỆC SỬ DỤNG CHUYỂN NGUỒN 2022 CHUYỂN NĂM 2023

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
I	Phần thu	2 951 887 593	

1	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi (Tiền cấp quyền sử dụng đất)	2 772 438 250	
2	Thu nhân dân đóng góp XD rãnh dọc thoát nước đường Thịnh Thắng	12 352 375	
3	Nguồn Chi chuyển nguồn để lại nguồn làm lương năm 2021+2022 chưa chi hết chuyển sang năm 2023	89 416 281	
4	Nguồn kinh phí tăng thu thực hiện chính sách tiền lương năm 2022 chuyển 2023	77 680 687	
II	Phần chi	2 951 887 593	
II.1	Chi thường xuyên	167 096 968	
1	Chi cải cách tiền lương năm 2023	167 096 968	
II.2	Chi đầu tư phát triển	2 784 790 625	
1	Chi trả nợ xây lắp công trình Xây dựng nhà bếp, nhà xe, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ trường MN khu B xã Mỹ Tiến	1 000 000 000	
2	Xây dựng công và tường bao nghĩa trang liệt sỹ xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc	500 000 000	
3	Cải tạo, sửa chữa nhà học 2 tầng 10 phòng; nhà học 2 tầng 6 phòng; phòng kho trường tiểu học xã Mỹ Tiến	500 000 000	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Vị Việt đoạn từ nhà ông Triệu đến nhà ông Nguyễn; thôn La Đồng đoạn cổng chào đến gốc bàng; thôn Nguyễn Huệ đoạn cây đa văn chỉ đến ngõ quán, đoạn gốc gạo đến nhà ông Tư	300 000 000	
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Lang Xá đoạn Cầu Một-Đổng Hương; thôn La Chợ đoạn Nội Chạp- Biền Thề	300 000 000	
6	Cải tạo, nâng cấp công, rãnh thoát nước , khuôn viên khu vực cổng trường tiểu học Mỹ Tiến huyện Mỹ Lộc	172 438 250	
7	Thanh toán chi phí tư vấn lập báo cáo KTKT công trình Xây dựng rãnh dọc thoát nước tuyến đường Thịnh Thắng (đoạn từ Cầu la đến trường tiểu học)	12 352 375	
III	Cân đối thu chi (I-II)		

D. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

I. Kết quả đạt được và nguyên nhân

- Năm 2023 xã về cơ bản đã đảm bảo được các chế độ chính sách mới. Chi sự nghiệp môi trường, chi sự nghiệp đảm bảo xã hội, chi dự phòng ngân sách đã thực hiện đúng theo quyết định giao dự toán của UBND huyện.

- Nguồn thu, nhiệm vụ chi thực hiện ổn định, đúng theo quy định của luật NSNN, tạo được tính chủ động, đồng thời gắn với nhiệm vụ thu và quyền lợi chi. Công tác lập và giao sự toán thu, chi thực hiện đúng quy trình, quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn, đã bao quát được nguồn thu trên địa bàn; quản lý, kiểm soát chi trên tinh thần tiết kiệm; hiệu quả, đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chi của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp; chi đầu tư phát triển, chi an sinh xã hội,....

- Thực hiện khai thác nguồn thu đặc biệt là thu giao khoán đất công ích đạt hiệu quả tương đối, việc chống thất thu, giảm nợ đọng các loại thuế, quỹ, hoa lợi công sản được quát triệt sâu rộng trên địa bàn xã; luôn chú trọng sát sao trong công tác thu để phân đầu hoàn thành dự toán huyện, xã giao. Góp phần hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Công tác điều hành của chính quyền các cấp tập trung thống nhất, có hiệu quả. Tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách;

Kết quả đạt được như trên là do sự lãnh đạo chỉ đạo của Đảng ủy; sự giám sát phối hợp chặt chẽ của HĐND xã; sự quyết liệt của UBND xã; sự phối kết hợp giữa các cấp, các ngành trong xã; đồng thời cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của cả hệ thống chính trị từ xã đến các cơ sở thôn xóm trong việc thực hiện nhiệm vụ; công tác thu, chi ngân sách được quan tâm chỉ đạo ngay từ đầu năm.

II. Hạn chế và nguyên nhân:

- Có 01 chỉ tiêu thu chưa đạt so với dự toán huyện giao

- Có 02/4 khoản chi chưa đảm bảo theo mức dự toán giao chi tối thiểu

- Có 04 khoản chi chưa đạt so với dự toán huyện giao

- Nợ phải thu qua phương án thôn từ nhiều năm trước tương đối lớn được liệt vào nợ phải thu khó đòi phải theo dõi từ năm này qua năm khác là một vấn đề vướng mắc rất lớn trong việc điều hành thu ngân sách, đặc biệt khó khăn hơn trong công tác bàn giao công nợ đối với xã thuộc diện phải sắp xếp sáp nhập trong thời gian tới.

E. Biện pháp khắc phục:

- Tăng cường công tác quản lý và khai thác nguồn thu cho ngân sách xã như thu quỹ đất công ích và HLCS,... nhằm tăng thu và đảm bảo nguồn thu cố định hàng năm cho ngân sách xã, đơn đốc thu nợ cũ từ năm 2021 trở về trước để tạo nguồn thu cho ngân sách xã. Đối với khoản nợ cũ bàn giao từ nhiều năm trước đến nay khó có thể thu được đề nghị các ban ngành đoàn thể vào cuộc chung tay vận động nhân dân phối hợp thực hiện đóng góp theo quy định và đề nghị cấp trên hướng dẫn để từng bước tháo gỡ.

- Năm 2024 cố gắng tăng thu, tiết kiệm các khoản chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2024

- Tăng cường tạo nguồn thu để chi trả nợ đầu tư XDCB, ưu tiên tập trung trả nợ XDCB.

PHẦN THỨ II

BÁO CÁO THU - CHI NGÂN SÁCH 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại kỳ họp thứ mười một khóa XXII đã được HĐND xã Mỹ Tiến phê duyệt về việc phân bổ dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2024;

I. QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

* Tổng thu cân đối ngân sách xã là : 6.198 triệu đồng đạt 87,8% dự toán huyện giao xã giao:

- Số thu xã hưởng tỷ lệ 100% (loại trừ khoản thu kết dư năm trước) là 35 triệu đồng, đạt 19,2 % so với dự toán huyện, xã giao;

- Số thu xã hưởng theo tỷ lệ điều tiết là 1.475 triệu đồng, đạt 69,68% so với dự toán huyện, xã giao;

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là 1.987 triệu đồng.

- Thu chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 : Tổng số tiền 2.701 triệu đồng

- Trong tổng thu ngân sách xã được hưởng, loại trừ các chỉ tiêu: Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên, thu chuyển nguồn năm trước thì tổng thu ngân sách xã hưởng thực tế 05 tháng đầu năm 2024 là 1.510 triệu đồng đạt 65,6% so với dự toán huyện xã giao (trong đó: Thu thường xuyên ngân sách xã (thu trừ tiền đất) trên địa bàn là 268 triệu đồng đạt 53,6 % so với dự toán huyện, xã giao).

- Về thu NSX có 02 chỉ tiêu thu đã đạt và vượt so với dự toán huyện giao: Thu khác đạt 254%; thu thuế giá trị gia tăng đạt 237%; có 06 chỉ tiêu chưa đạt so với dự toán huyện giao là thu phí, lệ phí đạt 71%, Thu từ quỹ đất công ích và HLCS đạt 0%, Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 3%, Thu thuế thu nhập cá nhân đạt 70,7%, Thu lệ phí trước bạ đạt 47,6%, Thu tiền sử dụng đất : 69%.

Biểu chi tiết cụ thể như sau :

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/5/2024

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO	DỰ TOÁN XÃ GIAO	Số quyết toán	So với DT huyện giao (%)	So với DT xã giao (%)
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG THU	7 060 000 000	7 060 000 000	6 198 226 817	87,8	87,8
I	Các khoản thu 100%	184 000 000	184 000 000	35 357 000	19,2	19,2
1	Phí, lệ phí	14 000 000	14 000 000	9 957 000	71,1	71,1
-	Phí, lệ phí khác	11 000 000	11 000 000	4 657 000	42,3	42,3
-	Phí môn bài	3 000 000	3 000 000	5 300 000	176,7	176,7
2	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	160 000 000	160 000 000		0,0	0,0
3	Thu khác	10 000 000	10 000 000	25 400 000	254,0	254,0
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2 117 000 000	2 117 000 000	1 475 197 560	427,0	427,0
1	Thuế thu nhập cá nhân	171 500 000	171 500 000	121 247 875	70,7	70,7
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	31 500 000	31 500 000	799 680	2,5	2,5
3	Lệ phí trước bạ nhà, đất	84 000 000	84 000 000	40 004 650	47,6	47,6
4	Thu tiền sử dụng đất	1 800 000 000	1 800 000 000	1 242 008 775	69,0	69,0
5	Thuế GTGT, TNDN	30 000 000	30 000 000	71 136 580	237,1	237,1
IV	Thu chuyển nguồn			2 700 672 257		
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4 759 000 000	4 759 000 000	1 987 000 000	41,8	41,8
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	4 759 000 000	4 759 000 000	1 987 000 000	41,8	41,8

II. TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2024.

* Tổng chi NSX 5 tháng đầu năm 2024: 2.575 triệu đồng đạt 36% so với huyện, xã giao:

- Trong đó chi thường xuyên 5 tháng đầu năm 2024 : 1.868 triệu đồng ; chi đầu tư XDCB : 707 triệu đồng.

- + Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội = 214 triệu đồng đạt 40 % dự toán huyện giao, 41% dự toán xã giao
 - + Chi giáo dục và đào tạo : 3 triệu đồng đạt 4% so với dự toán huyện, xã giao do kho bạc hạch toán bút toán vào chi hỗ trợ khác.
 - + Chi sự nghiệp y tế : 9 triệu đồng đạt 27 % so với dự toán huyện, xã giao;
 - + Chi sự nghiệp văn hoá thông tin : 25 triệu đồng đạt 38% so với dự toán huyện giao ; 34 % so với dự toán xã giao;
 - + Chi sự nghiệp phát thanh : 4,0 triệu đồng đạt 11% so với dự toán huyện giao; 8% dự toán xã giao;
 - + Chi sự nghiệp thể dục thể thao : 8 triệu đồng đạt 66 % huyện xã giao;
 - + Chi bảo vệ môi trường : 0 đồng ; đạt 0% so với dự toán huyện, xã giao;
 - + Chi các hoạt động kinh tế khác (Giao thông; nông nghiệp, quản lý đất đai) bao gồm cả chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển : 784 triệu đồng đạt 347% dự toán huyện giao; 424 % dự toán xã giao;
 - + Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể : 1.420 triệu đồng đạt 25% dự toán huyện , xã giao;
 - + Chi đảm bảo xã hội : 82 triệu đồng đạt 34% dự toán huyện, xã giao
- (Có mẫu biểu số 09 chi tiết đính kèm)*

III/ Nhiệm vụ công tác tài chính 7 tháng cuối năm :

***/ Đối với nhiệm vụ thu :**

1. Tổ chức thu tốt các nguồn thu đặc biệt là nguồn thu từ quỹ đất công và hoa lợi công sản, Nợ cũ thu sản phẩm khoán thầu thôn ; phần đầu 7 tháng cuối năm sẽ đôn đốc thu quyết liệt để đảm bảo đủ chỉ tiêu huyện giao đáp ứng đủ nguồn chi thường xuyên.
2. Đôn đốc hoàn thành chỉ tiêu thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2024 đảm bảo không nợ đọng thuế nhà nước.
3. Thu tốt công tác quỹ phòng chống thiên tai năm 2024 đảm bảo kế hoạch đề ra nộp về cấp trên theo quy định.
4. Rà soát và phối hợp với cơ quan cấp trên tăng cường công tác quản lý, khai thác các nguồn thu khác phát sinh trên địa bàn : Thu lệ phí chứng thực qua biên lai điện tử, thu phạt, thu thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, chuyển nhượng BĐS để đảm bảo kế hoạch thu ngân sách NN năm 2024.
- 5, Tăng cường công tác chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho nhân dân và hoàn thành tốt công tác đấu giá quyền sử dụng đất ở năm 2024.

***/ Đối với nhiệm vụ chi :**

1. Bám sát dự toán được giao, kịp thời bổ sung các khoản chi được bổ sung có mục tiêu theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên. Hướng dẫn các ban ngành sử dụng kinh phí đảm bảo tiết kiệm có hiệu quả ; không cố tận dụng chi hết dự toán đã được phân bổ cho ban ngành của mình.

11

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 319/BC-UBND ngày 20/6/2024 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	5.388	12.137	6.749	225,3
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	1.811	4.384	2.573	242,1
-	Thu NSDP hưởng 100%	318	379	61	119,2
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	1.493	4.005	2.512	268,3
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.577	4.801	1.224	134,2
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.577	3.577	0	100,0
2	Thu bổ sung có mục tiêu		1.224	1.224	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư				
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		2.952		
B	TỔNG CHI NSDP	5.388	12.137	6.749	225,3
I	Tổng chi cân đối NSDP	5.388	8.212	2.824	152,4
1	Chi đầu tư phát triển	1.200	3.858	2.658	321,5
2	Chi thường xuyên	4.080	4.246	166	104,1
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách	108	108		100,0
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
II	Chi các chương trình mục tiêu	0	1.224	1.224	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		1.050	1.050	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		174		
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		2.701		
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP				
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP				
I	Vay để bù đắp bội chi				
II	Vay để trả nợ gốc				
G	TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP				

Ghi chú : (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, bội chi NSDP, vay và trả nợ gốc vay.

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 319/BC-UBND ngày 20/6/2024 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	8.300	5.388	20.595	12.137	248,1	225,3
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	4.723	1.811	12.842	4.384	271,9	242,1
I	Thu nội địa	4.723	1.811	12.842	4.384	271,9	242,1
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1) (Chi tiết theo sắc thuế)						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2) - Thuế GTGT, TNDN	30	30	75	75	251,2	251,2
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3) (Chi tiết theo sắc thuế)						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4) (Chi tiết theo sắc thuế)						
5	Thuế thu nhập cá nhân	265	186	299	209	112,8	112,8
6	Thuế bảo vệ môi trường - Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước - Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
7	Lệ phí trước bạ	80	56	156	109	195,2	195,2
8	Thu phí, lệ phí - Phí và lệ phí trung ương - Phí và lệ phí tỉnh - Phí và lệ phí huyện - Phí và lệ phí xã, phường	23	23	18	18	79	79
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30	21	78	55	260,4	260,4
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước						
12	Thu tiền sử dụng đất	4.000	1.200	11.855	3.556	296,4	296,4
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách	25	25	55	55	219,2	219,2
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	270	270	304	304	112,6	112,6
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)						
12	Thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			2	2		
II	Thu từ đầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu						
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
IV	Thu viện trợ						
B	THU TỪ QUỸ DỰ TRÙ TÀI CHÍNH						
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC						
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG			2.952	2.952		
E	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	3.577	3.577	4.801	4.801	134,2	134,2

Ghi chú :

- (1) Doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý là doanh nghiệp do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện Nhà nước chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.
- (2) Doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý là doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện Nhà nước chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.
- (3) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là các doanh nghiệp mà phần vốn do tổ chức, cá nhân nước ngoài sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh.
- (4) Doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là các doanh nghiệp thành lập theo Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, trừ các doanh nghiệp nhà nước do trung ương, địa phương quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nêu trên.
- (5) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu ngân sách địa phương cấp huyện, xã không có thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước, chênh lệch thu, chi Ngân hàng Nhà nước, thu từ đầu thô, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu. Thu chênh lệch thu, chi Ngân hàng Nhà nước chỉ áp dụng đối với thành phố Hà Nội.

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số 319/BC-UBND ngày 20/6/2024 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sách (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.388	12.137	225
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.388	8.366	155
I	Chi đầu tư phát triển	1.200	4.012	334
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.200	4.012	334
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực	1.200	4.012	334
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		2.267	
-	Chi bảo vệ môi trường			
-	Chi sự nghiệp giao thông		1.150	
-	Chi sự nghiệp kinh tế khác		52	
-	Chi quản lý nhà nước	1.200		
-	Chi cho công tác xã hội		542	
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn		4.012	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.200	3.843	320
-	Chi nhân dân đóng góp tự nguyện		14	
-	Chi từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi			
-	Chi từ nguồn bổ sung ngân sách cấp trên		154	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	4.079	4.355	107
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	516	451	87
2	Chi sự nghiệp giáo dục	67	11	17
3	Chi sự nghiệp đào tạo	21		
4	Chi sự nghiệp y tế	32	25	80
5	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	61	73	119
6	Chi sự nghiệp đài truyền thanh	33	26	81
7	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	11	24	211
8	Chi sự nghiệp môi trường	72	81	113
9	Chi sự nghiệp kinh tế	220	167	76
10	Chi sự nghiệp xã hội	207	237	115
11	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	2.828	3.102	110
12	Chi khác	11	155	1.372
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V	Dự phòng ngân sách	108		0
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	0	1.070	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	1.050	

1	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn		50	
2	Chi trả nợ xây lắp công trình âm dựng công trình Xây dựng nhà bếp, nhà xe, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ trường MN khu B xã Mỹ Tiến		1.000	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		20	
1	Hoàn trả lại ngân sách chi thường xuyên năm 2023 do đã chi đôi dư từ năm 2022		2	
2	Thanh toán kinh phí tổ chức Hội nghị triển khai công tác lấy ý kiến cử tri liên quan đến đề án mở rộng địa giới hành chính TP Nam Định và thành lập 3 phường		3	
3	HN của Đảng về việc tiếp tục quán triệt, triển khai các văn bản của TW của tỉnh, của huyện Mỹ Lộc và Nghị quyết chuyên đề của Đảng ủy đến từng Đảng viên trong toàn Đảng bộ xã Mỹ Tiến, về việc sắp xếp sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025		8	
4	Phô tô tài liệu PV đến công tác sắp xếp sáp nhập		7	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		2.701	

Ghi chú: (1) Chi đầu tư phát triển ngân sách cấp tỉnh tăng tương ứng với số bội chi (nếu có); giảm tương ứng với số bội thu và chi trả nợ lãi (nếu có).

(2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, Ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 319/BC-UBND ngày 20/6/2024 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	5.388	12.137	6.749	225
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)				
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC	5.388	9.436	4.049	175
I	Chi đầu tư phát triển	1.200	5.012	3.812	418
1	Chi đầu tư cho các dự án		5.012	5.012	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		3.267	3.267	
-	Chi khoa học và công nghệ				
-	Chi quốc phòng				
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội				
-	Chi y tế, dân số và gia đình				
-	Chi văn hóa thông tin				
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
-	Chi thể dục thể thao				
-	Chi bảo vệ môi trường				
-	Chi các hoạt động kinh tế		1.202		
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.200			
-	Chi bảo đảm xã hội		542		
-	Chi đầu tư khác				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	4.079	4.424	345	108
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	88	11	-76	13
-	Chi khoa học và công nghệ (2)				
-	Chi quốc phòng	133	116	-16	88
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	383	335	-48	87
-	Chi y tế, dân số và gia đình	32	25	-6	80
-	Chi văn hóa thông tin	61	123	62	201
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	33	26	-6	81
-	Chi thể dục thể thao	11	24	13	211
-	Chi bảo vệ môi trường	72	81	9	113
-	Chi các hoạt động kinh tế	220	167	-53	76
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	2.828	3.122	294	110
-	Chi bảo đảm xã hội	207	237	31	115
-	Chi thường xuyên khác	11	155	144	1.372
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)				
V	Dự phòng ngân sách	108			
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		2.701		

Ghi chú: (1) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới.

(2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 319/BC-UBND, ngày 20/6/2024 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán (1)										Quyết toán								So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=10/1	20= (11+16)/2	21= (12+17+18)/3
	TỔNG SỐ	5.388	1.200	4.188	0	0	0	0	0	0	12.137	4.012	4.374	0	0	1.050	1.000	50	2.701	225	418	170
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	5.279	1.200	4.079	0	0	0	0	0	0	9.436	4.012	4.374	0	0	1.050	1.000	50	0	179	418	106
1	UBND xã Mỹ Tiến	5.279	1.200	4.079			0				9.436	4.012	4.374			1.050	1.000	50		179	418	106
II	CHI TRẢ NỢ LÃI DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY (2)	0									0											
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH (2)	0									0											
IV	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	108		108							0											
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	0									0											
VI	CHI BỔ SUNG CỎ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (3)	0									0											
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	0									2.701								2.701			

Ghi chú: (1) Dự toán chi ngân sách địa phương chi tiết theo các chỉ tiêu tương ứng phần quyết toán chi ngân sách địa phương.
(2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.
(3) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cỏ mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

**QUYẾT TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ)
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số 319/BC-UBND ngày 20/6/2024 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ)
CỦA TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO NGUỒN VỐN NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 319/BC-UBND ngày 20/6/2024 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm					Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm (nếu có)	Chuyển nguồn 2021, 2022 sang 2023 Tiết kiệm thường xuyên trả lại nguồn đã chi vào nguồn cải cách tiền lương năm trước	Bổ sung nguồn dự phòng để cải cách tiền lương	Giảm trừ trong năm (nếu có)			Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
A	B	1=2+3-4	2	3			4	5	6=1-5	7	8
	TỔNG SỐ										
1	UBND xã Mỹ Tiến	4.432	4.187	225	175	108	263	4.424	8	0	0
-	Chi công tác DQTV, ANTT	534	516			18		451	83	0	0
-	Chi sự nghiệp giáo dục	67	67					12	55	0	0
-	Chi sự nghiệp đào tạo	21	21						21	0	0
-	Chi sự nghiệp y tế	32	32					25	7	0	0
-	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	111	61	50				123	-12	0	0
-	Chi sự nghiệp đài truyền thanh	34	33			1		27	7	0	0
-	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	11	11					24	-13	0	0
-	Chi sự nghiệp môi trường	72	72					81	-9	0	0
-	Chi sự nghiệp kinh tế	225	220	155		5	155	167	58	0	0
-	Chi sự nghiệp xã hội	224	207			17		237	-13	0	0

-	Chi QLNN, đảng, đoàn thể	3.090	2.828	20	175	67		3.122	-32	0	0
-	Chi khác	11	11					155	-144	0	0
-	Dự phòng NS	0	108				108		0	0	0

Ghi chú: - Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, Ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

- Chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên chi tiết các lĩnh vực theo quy định tại Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước.

(Kèm theo Báo cáo số 319/BC-UBND ngày 20/6/2024 của UBND xã

Đơn vị: Triệu đồng

CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN SỬ DỤNG NHÂN CẢNH

Đã cho số 319/BC-UBND ngày 20/02/2023

Lưu ý về địa điểm đến 31/02/2023

Chức vụ người đi				
Người đi	Người đi trung	Người đi chính	Người đi phụ	Người đi
13	14	15	16	17

[illegible]

